UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Số: 126/BC-LWS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
Digitally signed by CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
DN: C=VN, S=LÀO CAI, L=TP.Lào Cai, CN=CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5300102876
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-03-15 16:10:14
Foxit Reader Version: 10.0.1

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (SSC);
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300102876 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/4/2021.
- Vốn điều lệ: 177.176.650.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 163.169.650.000 đồng
- Địa chỉ: số nhà 037, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai.
- Số điện thoại: 0214 3830 224 Số fax:
- Website: capnuoclaocai.com.vn; capnuoclaocai.vn
- Mã cổ phiếu: LWS

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, tiền thân là Công ty cấp thoát nước Lào Cai được thành lập tại quyết định số 59/QĐ-UB ngày 18/02/1993 của UBND tỉnh Lào Cai. Đến ngày 24/10/2006 chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai theo quyết định số 3020/QĐ-UBND. Từ ngày 01/6/2016 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5300102876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Sau khi chuyển đổi thành mô hình công ty cổ phần, công ty đã tiến hành đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 40/2017/GCNCP-VSD lần đầu ngày 06/02/2017, số 40/2017/GCNCP-VSD-1 cấp thay đổi lần 1 ngày 09/4/2018. Đồng thời tiến hành đăng ký giao dịch trên sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với ngày giao dịch đầu tiên là 22/12/2017.

Ngay từ ngày đầu thành lập với 25 CBCNV, cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, Ban lãnh đạo cùng cán bộ công nhân viên công ty đã vượt qua khó khăn, xây dựng một số trạm sản xuất nước, chủ yếu là cung cấp nước thô có công suất từ 300 đến 500m^3/ngđ, lắp đặt mạng lưới đường ống cung cấp nước cho các cơ quan và nhân dân trên địa bàn thị xã Lào Cai, phục vụ nhu cầu thiết yếu của thị xã những ngày đầu tái lập tỉnh.

Năm 1994, từ nguồn vốn tài trợ của chính phủ Pháp, hệ thống cấp nước của thị xã Lào Cai được mở rộng, xây dựng một dây truyền xử lý công suất 6.000m^3/ngđ theo công

nghệ hiện đại. Đến năm 1998, xây dựng thêm một dây truyền công suất 6.000m^3/ngđ nâng công suất hệ thống cấp nước thị xã Lào Cai lên 12.000m^3/ngđ.

Từ năm 2000 đến nay, ngoài việc tiếp tục nâng công suất của hệ thống cấp nước thành phố Lào Cai lên 39.000m^3/ngđ, công ty đã xây dựng và tiếp nhận bàn giao quản lý khai thác hệ thống cấp nước của 8 trung tâm huyện lỵ (Sa Pa, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Bát Xát, Si Ma Cai, Bắc Hà) và khu công nghiệp thị trấn Tằng Loỏng, mở rộng độ bao phủ cấp nước trên toàn tỉnh với tổng công suất (thiết kế) là 105.000m^3/ngđ.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh:

	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2	Lắp đặt, xây dựng các công trình cấp thoát nước.	43221
3	Xây dựng các công trình điện năng có cấp điện áp đến 35kv.	43210
4	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng.	42990;431
5	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước.	46591
6	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất; Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử.	46692
7	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình.	11041
8	Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế công trình cấp thoát nước.	74100
9	Quản lý dự án, Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.	71109
10	Kiểm nghiệm chất lượng nước, dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến ϕ25.	71200

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực thành phố Lào Cai và trung tâm 8 huyện lỵ, trung tâm xã Bản Vược - huyện Bát Xát, khu công nghiệp thị trấn Tằng Loỏng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Công ty lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 bao gồm:

- ***Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)***: là cơ quan quyết định cao nhất của công ty được quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo điểm e khoản 2 Điều 15 Điều lệ công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 10/4/2021.

- ***Hội đồng quản trị***: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- ***Ban Kiểm soát***: là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- ***Ban Tổng Giám đốc***: Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty có 6 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối văn phòng; 12 chi nhánh trực thuộc đóng trên các địa bàn 08 huyện lỵ, thành phố, và Khu công nghiệp.

Danh sách phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chi nhánh trực thuộc:

Tên phòng/chi nhánh	Địa chỉ
Các phòng chuyên môn	
1. Phòng Tổ chức hành chính 2. Phòng Tài chính kế toán; 3. Phòng Kế hoạch - Đầu tư; 4. Phòng Kỹ thuật - Vật tư 5. Phòng Thí nghiệm chất lượng nước 6. Phòng Quản lý kinh doanh	Văn phòng công ty, đồi 117, P.Lào Cai, TP Lào Cai
Các chi nhánh (CN) trực thuộc	
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	Số 037, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, TP Lào Cai
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	Số 358, đường Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Lệnh, TP Lào Cai
3. CN cấp nước huyện Bảo Thắng	Số 203, đường 4E, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng
4. CN cấp nước huyện Bảo Yên	Số 75, đường Ngô Quyền, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên
5. CN cấp nước thị xã Sa Pa	Tổ 11, Thác Bạc, Thị xã Sa Pa
6. CN cấp nước huyện Mường Khương	Số 01 đường Giải phòng 11/11, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương
7. CN cấp nước huyện Bắc Hà	Khu dân cư số 2, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà
8. CN cấp nước huyện Si Ma Cai	Thôn phố cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai
9. CN cấp nước huyện Bát Xát	Số 056, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát
10. CN cấp nước huyện Văn Bàn	Tổ 6, đường Điện Biên Phủ, thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn.
11. CN cấp nước Khu CN Tằng Loỏng	Tổ 4, đường 151, thị trấn Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng
12. CN Trung tâm Đồng hồ nước	Đồi Nhạc Sơn, P.Kim Tân, TP. Lào Cai

3.3. Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Số vốn thực góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai	số 148, đường Châu Úy, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai	79.226	792.260.000	24,992%

Tỷ lệ vốn góp của công ty vào Công ty xây dựng cổ phần cấp thoát nước Lào Cai là 24,992%, *(với ngành nghề kinh doanh: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, Xây dựng các công trình giao thông, Kinh doanh vật tư hàng hóa, dịch vụ mua bán vật liệu).*

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

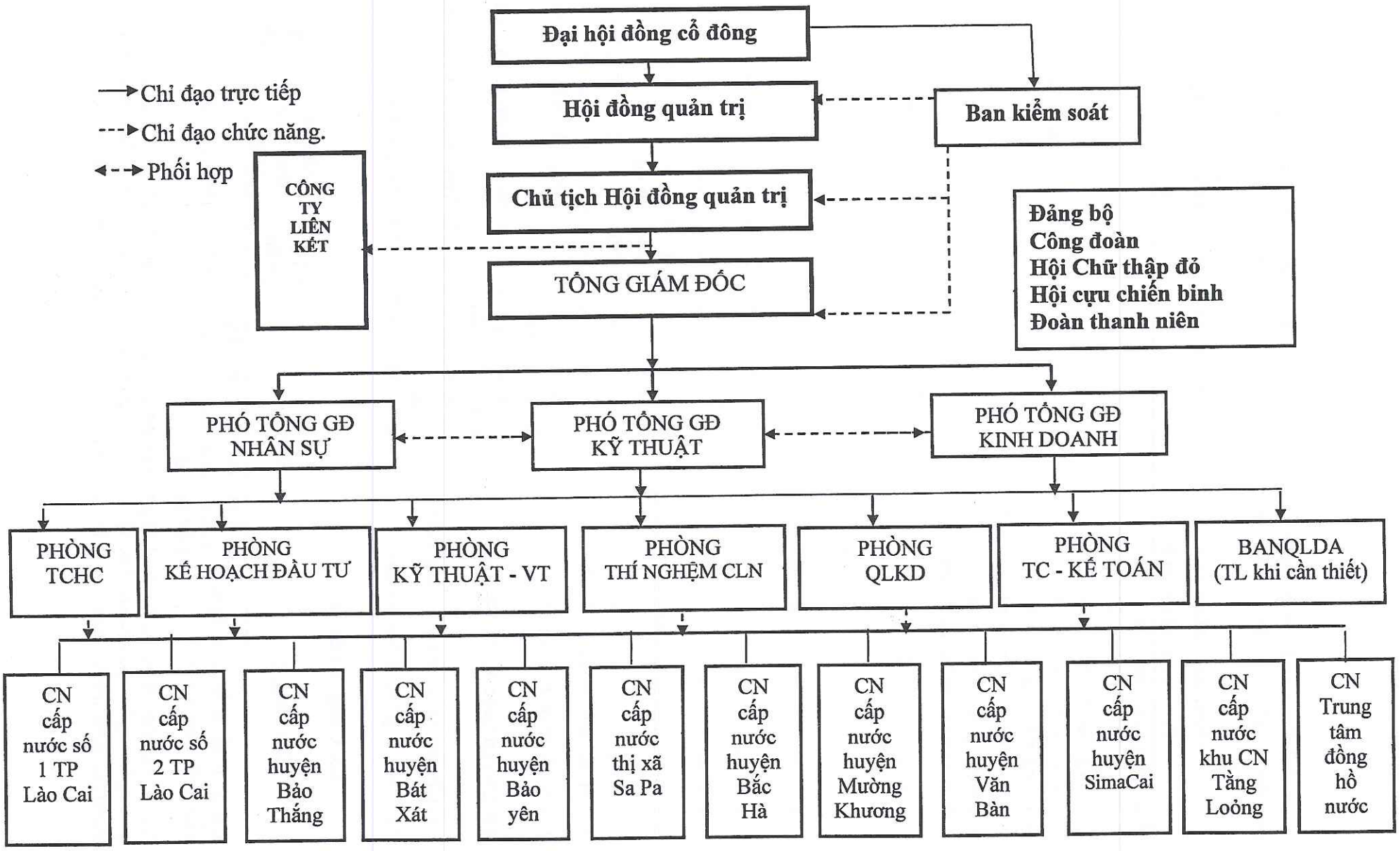

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Công ty tiếp tục duy trì là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực cấp nước của tỉnh.

- Chất lượng sản phẩm và thái độ phục vụ khách hàng luôn được chú trọng.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn phát triển vốn góp của cổ đông.

- Đảm bảo việc làm và chế độ của người lao động (NLĐ) trong doanh nghiệp, gắn mục tiêu phát triển của công ty với lợi ích nhà nước, lợi ích các cổ đông.

- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.

- Xây dựng đội ngũ người lao động đoàn kết, năng động, tay nghề cao, nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được UBND tỉnh giao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật – công nghệ vào công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

- Cải cách thủ tục hành chính, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng và kinh doanh có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của UBND tỉnh Lào Cai, Công ty đầu tư các dự án trọng điểm, cải tạo xây dựng mới các nhà máy nước và hệ thống tuyến ống phân phối phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

- Triển khai đồng bộ các giải pháp chông thất thu thất thoát nước, thực hiện chống thất thu thất thoát theo khu vực, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống còn 15%.

- Luôn đảm bảo cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn theo Thông tư số 41:2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; QCVN:01-1:2018/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015;

- Rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến năm 2025.

- Xây dựng lộ trình đầu tư và áp dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ, thực hiện chiến lược "*coi trọng khách hàng*" để phát triển.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Hoạt động kinh doanh bảo toàn vốn chủ sở hữu và các cổ đông. Đầu tư hiệu quả các dự án mở rộng, nâng cấp công suất cấp nước trên phạm vi toàn tỉnh bao gồm: các khu đô thị, thị trấn, thị tứ và một phần khu vực nông thôn lân cận.

- Vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu tiếp tục là các ưu tiên trong mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc mà Việt Nam là một thành viên. Là doanh nghiệp

hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, công ty xác định các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể về trách nhiệm bảo vệ môi trường, tuân thủ quy định của pháp luật; nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ, kịp thời; có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư về môi trường.

Giải pháp thực hiện: Xây dựng dự án đầu tư công nghệ xử lý nước theo hướng hiện đại hóa. Tăng cường phối hợp với cơ quan, ban, ngành của địa phương, tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm, khai báo kịp thời với đơn vị cấp nước hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện sự cố công trình, hoặc phát hiện người có hành vi vi phạm công trình cấp nước.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế. Đại dịch Covid-19 đã làm đảo lộn kinh tế thế giới 2 năm liên tiếp, với những diễn biến không thể đoán trước, năm 2021 vừa qua tiếp tục là một năm khó khăn. Dự báo năm 2022 tình hình kinh tế thế giới sẽ càng khó đoán, sẽ còn phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn nữa: đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp với biến chủng Omicron, lạm phát, chính sách thắt chặt và bất ổn chính trị khắp nơi.

Hoạt động SXKD của các doanh nghiệp sử dụng nước sản xuất cũng như các doanh nghiệp dịch vụ sử dụng nước sinh hoạt bị ảnh hưởng nghiêm trọng của tình hình dịch bệnh, dẫn đến ảnh hưởng lớn tới doanh thu của đơn vị cấp nước.

5.2. Rủi ro về luật pháp:

Rủi ro về luật pháp là rủi ro sự thay đổi trong luật pháp hay các qui định mới mà chính phủ đưa ra sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình trạng một hay hoạt động kinh doanh, ngành hay một thị trường.

Việc thay đổi luật hay các qui định do chính phủ hoặc cơ quan quản lí đưa ra có thể làm tăng chi phí vận hành của các công ty, giảm sức hấp dẫn của khoản đầu tư hoặc thay đổi cục diện cạnh tranh trên thị trường.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay tuy đã được cải cách xong vẫn còn thiếu tính ổn định và tính nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Trong đó hệ thống văn bản hướng dẫn các công ty cổ phần là một điển hình. Ví dụ về tính ổn định trong việc ban hành xây dựng pháp luật như: Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: *"Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ"* tuy nhiên Luật Doanh nghiệp 2020 lại quy định: "*Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết*". Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù.

a) Rủi ro thất thu, thất thoát: Với tốc độ đô thị hóa cao, một số hệ thống đường ống đầu tư đã lâu, việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ dẫn đến gẫy vỡ đường ống

cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch không qua đồng hồ đo đếm do ý thức của người dân là không tránh khỏi, dẫn đến tình trạng thất thu, thất thoát.

b) Rủi ro đầu vào sản xuất: Nguồn nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước, hiện nay nguồn nước ngày càng cạn kiệt do tác động môi trường, biến đổi khí hậu, tốc độ đô thị hoá nhanh chóng đồng thời phải chia sẻ nguồn nước cho các mục đích sử dụng khác nên thường xảy ra tình trạng thiếu nước; Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, giá điện có xu hướng ngày càng tăng; việc nhà nước bổ sung một số chi phí như việc cấp phép khai thác tài nguyên, lương tối thiểu vùng tăng nhưng chưa được cơ quan quản lý chấp nhận điều chỉnh giá nước tiêu thụ kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản suất kinh doanh.

c) Rủi ro giá đầu ra: Lĩnh vực cấp nước là dịch vụ công cộng, có tính chất an sinh xã hội, chịu sự kiểm soát của Nhà nước, Nhà nước ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực. Tuy nhiên giá nước chưa được quan tâm và điều chỉnh kịp thời sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước. Do đó SXKD sản phẩm nước sinh hoạt chưa được hoạt động theo cơ chế thị trường.

5.4. Rủi ro về môi trường

- Tình trạng ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước thô là không thể tránh khỏi, bởi lý do: các khu vực đầu nguồn thường tập trung đông dân cư (người bản địa), nguyên nhân gây ô nhiễm do rác thải sinh hoạt của con người, việc xả thải nước ao hồ của dân cư tại các khu đầu nguồn, rác thải của các hoạt động công nghiệp chưa được thu gom và xử lý đúng cách; Việc quản lý xả thải của hoạt động công nghiệp đã được chính phủ và địa phương triển khai thực hiện, xong còn bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu chặt chẽ và sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

- Trong sản xuất nông nghiệp để giảm công sức lao động người dân sử dụng thuốc diệt cỏ cùng với đó phân bón làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng của sản phẩm nhưng các cây trồng chỉ sử dụng được khoảng 30 - 40%, lượng dư thừa sẽ vào các dòng nước mặt hoặc nước ngầm, gây ảnh hưởng đến môi trường nước.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa,... là những rủi ro bất khả kháng xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu 01. Kết quả hoạt động SXKD.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Năm 2021		Tăng giảm (%)	
			Thực hiện	Kế hoạch	TH 2021/ 2020	TH 2021/KH
1. Nước thương phẩm	m^3	16.754.127	16.821.793	17.148.695	100,4	98,09
2. Tổng doanh thu	đồng	142.713.302.232	144.036.478.106	143.668.000.000	100,92	100,26
- Doanh thu SP nước sạch	đồng	140.688.648.188	139.133.048.395	142.668.000.000	98,89	97,52

Edited with the trial version of Foxit Advanced PDF Editor
To remove this notice, visit: www.foxitsoftware.com/shopping

- Doanh thu xây lắp + khác	đồng	2.024.654.044	4.903.429.711	1.000.000.000	242,18	490,34
3. Giá vốn hàng bán	đồng	101.592.950.661	105.861.998.691			104,2
- Giá vốn SP nước	đồng	101.094.988.792	102.775.629.859			
- Giá vốn xây lắp + Khác	đồng	497.961.869	3.086.368.832			
4. Giá bán BQ/m^3 chưa VAT	đồng	8.397	8.271	8.319	98,49	99,42
5. Lợi nhuận trước thuế	đồng	16.344.431.914	14.874.198.678			
6. Lợi nhuận sau thuế	đồng	15.185.018.639	13.741.091.933	13.685.000.000	90,49	100,41
7. Tỷ lệ thất thoát (B.quân)	%	24,6	24,7	24,3		
8. Thu nhập BQ/người/tháng	đồng	8.800.000	8.800.000	8.800.000	100	100
Trong đó lương BQ/ NLĐ		*7.500.000*	*7.540.000*	*7.400.000*	*100,53*	*101,89*

a) Các thay đổi, biến động: không

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

Năm 2021 công ty đạt 03 chỉ tiêu vượt kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ gồm:

- Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch lần lượt là: 100,26%; 100,41%

- Tiền lương bình quân người lao động đạt 100,53%, thu nhập bình quân đạt 101,89%

c) Tình hình thực hiện so với năm trước liền kề.

- Theo kết quả kinh doanh tại **Biểu 01** cho thấy năm 2021, có 03 chỉ tiêu tăng so với năm 2020 lần lượt gồm: Sản lượng nước thương phẩm tăng 0,4%; Doanh thu tăng 0,92%; lương bình quân tăng 0,53%

- Chỉ tiêu thất thoát tăng so với năm trước 0,1% cho thấy công tác chống thất thoát chưa có giải pháp phù hợp, các tuyến ống chưa được thay thế kịp thời.

- Có 02 chỉ tiêu giảm so với năm 2020. Trong đó:

+ Giá bán bình quân giảm 1,51%; Lợi nhuận sau thuế giảm 9,51% .

Qua số liệu trên cho thấy năm 2021: Giá bán bình quân và lợi nhuận sau thuế giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Nguyên nhân:

- Việc giảm giá tiêu thụ bình quân, giảm lợi nhuận sau thuế hoàn toàn do yếu tố khách quan đó là: Do đại dịch covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu, cùng với việc thực hiện giãn cách xã hội theo quy định của thủ tướng chính phủ và UBND tỉnh, việc phòng chống dịch bệnh được ưu tiên hàng đầu, qua đó các hoạt động SXKD và du lịch dịch vụ ngừng trệ, tỷ trọng sử dụng nước theo mục đích kinh doanh dịch vụ giảm, đặc biệt là các khu du lịch như Thị xã Sa Pa, Thị trấn Bắc Hà.

- Thực hiện quyết định của UBND về việc giảm 5% trên tổng giá trị hoá đơn tiền nước đối với các hộ dân cư sử dụng nước phục vụ sinh hoạt và 100% đối với các bệnh viện dã chiến có sử dụng nước sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước Lào Cai, giá trị giảm là **1.136.025.602đ** trong đó giảm doanh thu do thực hiện giảm giá là: 996.381.755 đồng; Thuế GTGT giảm là: 49.805.471 đồng; Phí bảo vện môi trường giảm là 89.838.376 đồng

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên, trong đó có 02 thành viên không điều hành.

- Ban Tổng Giám đốc: 05 thành viên gồm 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc và 01 Phụ trách kế toán.

- Ban Kiểm soát: 03 thành viên gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Ngày tháng năm sinh	Trình độ CM	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						CP cá nhân	Cổ phần nhà nước	
1	Phạm Hồng Quảng	Chủ tịch HĐQT	11/12/1970	Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư XD	8.334.752	13.100	8.321.852	47
2	Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT, TGĐ	13/11/1972	Cử nhân kinh tế	8.012.312	17.000	7.995.312	45,2
3	Lê Văn Mật	Thành viên HĐQT, PTGĐ	17/5/1973	Kỹ sư CTN	9.000	9.000		0,051
4	Trịnh Tiến Hùng	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KT-VT	01/01/1985	Thạc sỹ QLĐT và công trình, Kỹ sư CTN	15.100	15.100		0,085
5	Phùng Ngọc Minh	Thành viên HĐQT, Phó phòng KH-ĐT	11/12/1985	Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ sư CTN	5.300	5.300		0,03
6	Phạm Phương Thanh	Phó Tổng Giám đốc	27/12/1965	Cử nhân hành chính	10.000	10.000		0,056
7	Phạm Thị Hằng	Phó Tổng Giám đốc	10/8/1967	Cử nhân kinh tế	10.000	10.000		0,056
8	Đặng Thị Thuý Nga	Phụ trách kế toán	01/9/1976	Cử nhân kinh tế	11.200	11.200		0,063
9	Lê Thị Hồng Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	26/4/1974	Cử nhân kinh tế	15.000	15.000		0,085

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ngày 10/4/2021 Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 trong đó có nội dung quan trọng là bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026, danh sách thay đổi trong ban điều hành cụ thể như sau:

**** Hội đồng quản trị:***

- Ông Phạm Hồng Quảng — Chủ tịch (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Ông Ngô Thanh Phương — Chủ tịch (Thôi giữ chức vụ từ ngày 10/4/2021)

- Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Ông Lê Văn Mật	Thành viên (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Ông Phạm Phương Thanh	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 10/4/2021)
- Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 10/4/2021)
- Ông Trịnh Tiến Hùng	Thành viên không điều hành (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Ông Phùng Ngọc Minh	Thành viên không điều hành (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)

**** Ban Tổng Giám đốc:***

- Ông Nguyễn Quốc Huy	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)
- Ông Phạm Hồng Quảng	Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ ngày 10/4/2021)
- Ông Phạm Phương Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)
- Ông Lê Văn Mật	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)
- Bà Phạm Thị Hằng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)
- Bà Đặng Thị Thuý Nga	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 16/4/2021)

**** Ban Kiểm soát:***

- Bà Lê Thị Hồng Vân	Trưởng ban (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Ông Lê Hữu Bằng	Thành viên (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Ông Lê Kim Cương	Thành viên (Trúng cử nhiệm kỳ 2021-2026 từ ngày 10/4/2021)
- Bà Võ Thị Thu Hà	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 10/4/2021)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

a) Số lượng Lao động:

TT	Vị trí công việc	ĐVT	Số lao động	Ghi chú
1	Lao động trực tiếp SXKD	Người	218	
2	Lao động thừa hành, phục vụ		14	Lái xe, văn thư, bảo vệ
3	Lao động chuyên môn nghiệp vụ		67	Tại văn phòng và các chi nhánh (đã trừ 02 cán bộ kiêm nhiệm trong Ban kiểm soát)
4	Lao động quản lý		37	Trưởng, phó các phòng chuyên môn, Giám đốc, PGĐ các chi nhánh (đã trừ 02 thành viên HĐQT không điều hành)
5	Ban Kiểm soát		03	Trong đó 01 Trưởng ban chuyên trách và 02 cán bộ kiêm nhiệm
6	Thư ký công ty		01	
7	Hội đồng quản trị, Ban TGĐ, phụ trách kế toán		08	
Tổng cộng			**348**	

b) Chính sách đối với người lao động:

- Quỹ tiền lương: Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước, công ty xây dựng quỹ tiền lương của người lao động, được đăng ký với cơ quan thẩm quyền trước khi thực hiện. Việc trả lương căn cứ quy chế trả lương *(xây dựng theo vị trí công việc và đánh giá mức độ hoàn thành của người lao động)*, được thông qua ý kiến người lao động và tổ chức công đoàn.

- Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ Quy chế khen thưởng, căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại thông qua các đợt phát động thi đua.

- Chế độ tiền lương, thưởng do Tổng Giám đốc đề xuất được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

- Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Tiếp tục hoàn thành các dự án đầu tư chuyển tiếp, triển khai một số dự án mới gồm:

Dự án chuyển tiếp: (1) Mở rộng cấp nước đô thị, thị trấn Bát Xát, Nâng công suất từ 1.000m^3/ngđ lên 5.000m^3/ngđ thi công dở dang, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12 năm 2021; (2) tiếp tục triển khai bước chuẩn bị đầu tư dự án XD nhà máy nước Làng Giàng công suất 3.000m^3/ngđ - huyện Văn Bàn; (3) Hạ tầng cấp nước nhà máy gang thép và luyện kim Việt Trung, Lắp đặt bơm cấp II và tuyến ống cấp nước D400 khu công nghiệp Tằng Loỏng; (4) tiến hành các thủ tục đề xuất chủ trương đầu tư: Nâng công suất nhà máy nước Cốc San từ 24.000m^3/ngđ lên 30.000m^3/ngđ, Nhà máy nước Ngòi Đường, Hệ thống cấp nước xã Y Tý công suất 1.000m^3/ngđ.

3.2. Công ty liên kết:

a) Tóm tắt hoạt động của công ty liên kết.

Tên công ty: **Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai**

Công ty CP xây dựng cấp thoát nước Lào Cai có vốn điều lệ 3.170.000.000 đồng.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300217002, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 02/11/2004, thay đổi lần thứ 3 ngày 01/11/2017.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP xây dựng cấp thoát nước Lào Cai **24,992%,** tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với vốn góp.

b) Tình hình tài chính. (Không kiểm soát)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính.

Biểu 02.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng, giảm (%)
A	B	1	2	3=(2-1)/1
1	Tổng giá trị tài sản	311.113.609.372	303.962.320.079	-2,3
2	Doanh thu thuần	141.513.034.482	142.782.511.545	0,89
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	16.263.686.081	14.664.103.676	-9,8
4	Lợi nhuận khác	80.745.833	210.095.002	160,2
5	Lợi nhuận trước thuế	16.344.431.914	14.874.198.678	-8,99
6	Lợi nhuận sau thuế	15.185.018.639	13.741.081.933	-9,5
7	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn (%)	5,6	5,4	-0,2

(Nguồn dữ liệu: BCTC năm 2021 của công ty đã được kiểm toán)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Biểu 03.

	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	**Khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,61	2,68
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,51	2,59
2	**Cơ cấu vốn**			
	Nợ dài hạn /Vốn CSH	Lần	0,43	0,40
	Hệ số nợ /Tổng tài sản	Lần	0,37	0,36
	Hệ số nợ /Vốn CSH	Lần	0,58	0,55
3	**Năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	28,4	36,3
	Doanh thu thuần /Tổng tài sản	Lần	0,45	0,47
4	**Khả năng sinh lợi**			
	Tỷ lệ lãi ròng (LNST/DTT)	%	10,76	9,62
	Tỷ lệ lãi gộp (LNG/DTT)	%	28,28	25,85
	Tỷ lệ lãi từ HĐKD (LNHĐKD/DTT)	%	11,52	10,27
5	**Hiệu quả quản lý**			
	Tỷ suất LN /Vốn CSH bình quân (ROE)	%	7,76	7,02
	Tỷ suất TN /tài sản (LNST/TTS) (ROA)	%	4,8	4,5
6	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	Đồng/cổ phần	609,28	546,61

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tên cổ phiếu	Mã cổ phiếu	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu đang lưu hành		
			Cổ đông Nhà nước	Cổ đông khác	
				Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng
Cổ phiếu công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai	LWS	Phổ thông	16.316.965	704.400	696.300
Cộng			**16.316.965**	**1.400.700**	
Tổng cộng			**17.717.665**		

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đối tượng	Số	Số	Giá trị	Tỷ lệ

	cổ đông	cổ phần	(đồng)	sở hữu (%)
1. Cổ đông trong nước	**334**	**17.717.665**	**177.176.650.000**	**100**
Cổ đông nhà nước (UBND tỉnh Lào Cai)	01	16.316.965	163.169.650.000	92,09
Cổ đông khác	333	1.400.700	14.007.000.000	7,91
2. Cổ đông nước ngoài	**0**	**0**		**0**
Cộng	**334**	**17.717.665**	**177.176.650.000**	**100**

Biểu 04.

Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Ghi chú
Vốn đầu tư của CSH đầu kỳ	**17.717.665**	**196.384.016.068**	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	17.717.665	177.176.650.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển		2.849.011.462	
3. Lợi nhuận chưa phân phối		16.358.354.606	
Thay đổi trong năm			
1. Chào bán ra công chúng			
2. Chào bán riêng lẻ			
3. Phát hành cổ phiếu thưởng			
4. Trả cổ tức bằng cổ phiếu			
5. Quỹ đầu tư phát triển		3.722.150.034	
5. Lợi nhuận chưa phân phối		14.914.417.900	
Vốn đầu tư của CSH cuối kỳ	**17.717.665**	**195.813.217.934**	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo tài chính 2021 được kiểm toán)

***5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ**: (không)*

***5.5. Các chứng khoán khác**: (không)*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Biểu 05.

	Nguyên vật liệu	ĐVT	SL sử dụng	Ghi chú
1	Clo khí	kg	37.076	
2	Clo bột	kg	8.944	
3	Phè PAC	kg	376.340	
4	Phèn đơn	kg	60.060	
5	Polyme	Kg	2.545	
6	Vôi bột	Kg	86.632	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc)

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. (Không)

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Biểu 06.

Đơn vị sử dụng	Sản lượng (kWh)	Ghi chú
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	2.428.080	
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	235.517	
3. CN cấp nước huyện Bảo Thắng	391.769	
4. CN cấp nước huyện Bảo Yên	372.033	
5. Chi nhánh cấp nước thị xã Sa Pa	89.291	
6. CN cấp nước huyện Mường Khương	33.970	
7. CN cấp nước huyện Bắc Hà	7.409	
8. CN cấp nước huyện SiMaCai	241.901	
9. CN cấp nước huyện Bát Xát	105.569	
10. CN cấp nước huyện Văn Bàn	19.260	
11. CN cấp nước KCN Tằng Loỏng	808.703	
Cộng	**4.733.502**	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc)

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: (không)

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Biểu 07.

Đơn vị sử dụng	SL khai thác nước thô (m^3)	Nguồn nước
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	14.041.740	Sông Nậm Thi; suối Ngòi Đum
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	297.311	Nước ngầm mỏ đá phường Pom Hán.
3. CN cấp nước huyện Bảo Thắng	786.448	Sông Hồng
4. CN cấp nước huyện Bảo Yên	714.401	Sông Chảy
5. CN cấp nước thị xã Sa Pa	1.464.242	Thác Bạc, Suối Hồ 1, Suối Hồ 2, Nhà Pha, Cửa Rừng
6. CN cấp nước huyện Mường Khương	673.682	Suối Sả Hồ (Sao Đỏ)
7. CN cấp nước huyện Bắc Hà	694.137	Suối Tả Ngải Chồ (Phụ lưu C2 Sông Chảy)
8. CN cấp nước huyện Si Ma Cai	350.511	Nguồn Mạch Lộ, khu TT phố cũ
9. CN cấp nước huyện Bát Xát	509.607	Suối Bản Vai
10. CN cấp nước huyện Văn Bàn	624.780	Suối Nậm Đén, Nậm Xỏm
11. CN cấp nước KCN Tằng Loỏng	4.144.454	Suối Ngòi Bo, Suối Trát
Cộng	**24.385.770**	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc)

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (không)

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không)

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động (NLĐ).

a) Số lượng lao động (LĐ), mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động	(LĐ nữ)	(LĐ nam)	Thu nhập bình quân/người/tháng
348	114	234	8,8 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người NLĐ.

Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện chi trả chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Hàng năm tổ chức tập huấn an toàn lao động ít nhất 1 lần/năm. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, phép, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hỉ. Tổ chức thăm quan nghỉ mát cho người lao động. Đặc biệt quan tâm lao động nữ, bố trí công việc phù hợp.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, năm 2021 các hoạt động tập trung đông người bị hạn chế nên công ty không tổ chức thăm quan nghỉ mát cho người lao động, cùng với đó là các lớp tập huấn về an toàn lao động...cũng không được tổ chức.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Đối tượng đào tạo	Nội dung đào tạo	Số người được đào tạo	Số giờ đào tạo TB / năm
1. Đào tạo thường xuyên + Nhân viên CMNV	Bảo vệ bí mật nhà nước	3	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng giám đốc)

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm công ty tham gia hoạt động hỗ trợ "mái ấm tình thương", ủng hộ xây nhà tình nghĩa, ủng hộ và hỗ trợ nhân đạo từ thiện, ngày vì người nghèo, "chất độc màu da cam"... thông qua các phong trào do UBMTTQ tỉnh Lào cai, Công đoàn Ngành Xây dựng Lào Cai, Hội chữ thập đỏ các cấp phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (không).

III. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan: Trên cơ sở số liệu tại báo cáo tài chính và kết quả hoạt động ~~kinh doanh của công ty (được tóm tắt tại **Biểu 01**) công ty hoàn thành đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Ban Tổng Giám đốc công ty xin được đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau.

Chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch:

+ Tổng doanh thu đạt 100,26%, lợi nhuận đạt 100,41%, giá nước bình quân đạt 97,41%.

+ Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch đề ra, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp; nộp ngân sách 16,198 tỷ đồng tăng 7,27% so với kế hoạch, giảm 5,51% so với cùng kỳ năm 2020.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.

➢ Lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước.

Hoạt động sản xuất ổn định, cấp nước an toàn, chất lượng nước đảm bảo quy định của Bộ Y tế về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn ban hành tại Thông tư số 41:2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; QCVN:01-1:2018/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt được giám sát bởi Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lào Cai.

➢ Lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ.

- Tiếp tục thực hiện chống thất thoát thông qua việc thay thế các tuyến ống gang, ống thép cũ có hiện tượng rò rỉ do bị ăn mòn và oxi hóa, nâng cấp mở rộng các tuyến ống quá tải bằng ống HDPE; cải tạo thay thế đồng hồ định kỳ theo quy định.

- Về công tác chống thất thu là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục thông qua việc thực hiện rà soát, kiểm tra xác định mục đích sử dụng nước của khách hàng, nhằm phát hiện sai sót, thay đổi để điều chỉnh kịp thời, áp giá đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, góp phần tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Ban điều hành.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khách hàng, ghi chỉ số đồng hồ, thu tiền bằng thiết bị cầm tay và phát hành hoá đơn điện tử, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán online.

➢ Công tác quản trị:

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ trên cơ sở văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, gắn với tình hình thực tiễn nhằm quản lý chặt chẽ trong công tác tài chính; phân công nhiệm vụ rõ ràng, trên cơ sở đó mỗi bộ phận, cá nhân người lao động nâng cao ý thức, trách nhiệm.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị; đề cao trách nhiệm xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản:

Biểu 08. Tình hình tài sản.

TT	Tài sản	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch giá trị		Chênh lệch cơ cấu %
		Giá trị	%	Giá trị	%	Mức tăng	%	
A	B	1	2	3	4	5=(3-1)	6=(5/1)x100	7=(4-2)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	76.796.259.486	24,68	80.096.810.734	26,35	3.300.551.248	4,29	1,67

I	Tiền và các khoản tương đương tiền	61.003.613.737	19,61	70.391.336.896	23,16	9.387.723.159	15,38	3,55
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn							
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	10.298.224.518	3,31	4.598.414.450	1,51	- 5.699.810.068	-55,34	-1,8
IV	Hàng tồn kho	3.041.688.617	0,97	2.793.522.054	0,92	- 248.166.563	-8,15	-0,05
V	Tài sản ngắn hạn khác	2.452.732.614	0,79	2.313.537.334	0,76	-139.195.280	-5,67	-0,03
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**234.317.349.886**	**75,32**	**223.865.509.345**	**73,65**	**-10.451.840.541**	**-4,46**	**-1,67**
I	Các khoản phải thu dài hạn							
II	Tài sản cố định	216.833.275.637	69,70	221.984.987.610	73,03	5.151.711.973	2,37	3,33
1	*Tài sản cố định hữu hình*	*216.814.575.627*	69,69	*221.676.267.593*	72,92	4.861.691.966	2,24	3,23
2	*Tài sản CĐ thuê tài chính*							
3	*Tài sản cố định vô hình*	*18.700.010*	0,01	*308.720.017*	0,11	290.020.007	15,50	0,10
III	Tài sản dở dang dài hạn	15.819.230.817	5,08	112.486.400	0,04	-15.706.744.417	-99,28	-5,04
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	680.342.933	0,22	693.659.164	0,23	13.316.231	1,95	0,01
1	*Đầu tư vào công ty con*							
2	*Đầu tư vào công ty LDLK*	*792.260.000*	0,25	*792.260.000*	0,26			
4	*Dự phòng đầu tư tài chính*	*-111.917.067*	-0,04	*-298.600.836*	-0,09	-186.683.769	-	-0,05
5	*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*			*200.000.000*	0,06		166,80	
V	Tài sản dài hạn khác	984.500.499	0,32	1.074.376.171	0,35	89.875.672	9,13	0,03
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**311.113.690.372**	**100**	**303.962.320.079**	**100**	**-7.151.370.293**	**-2,29**	

(Nguồn dữ liệu: BCTC của công ty năm 2021 đã được kiểm toán và thuyết minh).

Qua biểu 08 Tình hình tài sản cho thấy:

(i) Năng lực kinh tế thực sự của tài sản công ty:

- Tài sản ngắn hạn của công ty hiện nay trên thị trường có giá trị kinh tế. Tiền và các khoản tương đương tiền tương đối lớn (tăng 15,38% so với cùng kỳ năm trước) luôn có số dư bình quân trong năm ổn định. Hệ số thanh toán nhanh = 2,68 lần cho thấy khả năng chuyển đổi trên thị trường thuận lợi và có dấu hiệu tác động tích cực đến tiềm năng kinh tế của doanh nghiệp trong kỳ kế toán tiếp theo.

+ Đối với các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12 là 4,598 tỷ đồng chiếm 1,51% /Tổng tài sản (giảm so với năm trước 5,699 tỷ đồng tương ứng giảm tỷ lệ 55,34%), cho thấy công ty đã có những biện pháp quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ gồm:

(1) là khoản thu của khách hàng là khoản phải thu chắc chắn và thu được ngay trong tháng đầu năm sau (2) khoản thu từ thi công xây lắp do thực hiện thi công công trình cho các chủ đầu tư khác; (3) tạm ứng trước cho người bán và các đơn vị nội bộ và cán bộ công nhân viên của công ty tạm ứng để thực thi nhiệm vụ. Do đó, các khoản nợ phải thu là xác thực.

+ Hàng tồn kho năm 2021 giảm 0,248 tỷ đồng so với hàng tồn kho năm 2020, cho thấy công ty giảm vật tư hàng hóa dự phòng cho sản xuất.

+ Tài sản ngắn hạn khác có khả năng thu hồi và là khoản thu chắc chắn (thu bù trừ hoàn thuế VAT đầu vào với VAT đầu ra).

- Đối với tài sản cố định hiện có nguyên giá là 583,537 tỷ đồng (tăng 41,012 tỷ đồng so với năm 2020 do trong năm Công ty đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sử dụng một số công trình), hệ số hao mòn = 0,62 (<1) cho thấy TSCĐ của doanh nghiệp được đổi mới, có giá trị hữu dụng và giá trị kinh tế trên thị trường.

(ii) Sự chuyển biến của các khoản mục tài sản.

Qua số liệu báo cáo và các chỉ số phân tích tại **Bảng 08** cho thấy tình hình chuyển biến của các khoản mục tài sản:

- Tài sản ngắn hạn so với năm 2020 tăng 4,29%, trong đó tiền và đương đương tiền tăng 9,387 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 5,699 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 0,248 tỷ đồng và giảm tài sản khác 139 triệu đồng dẫn đến giảm tỷ lệ trong cơ cấu tài sản ngắn hạn là 1,67% trong đó:

✓ So với năm 2020, Tiền và tương đương tiền tăng 3,55%, phải thu ngắn hạn giảm 55,34%, giảm tỷ trọng trong cơ cấu tài sản là 1,8%, điều đó thấy rằng công ty đã đẩy mạnh khâu bán hàng thu tiền ngay trong kỳ, không bị ứ đọng nhiều.

✓ Tỷ trọng hàng tồn kho giảm 8,15% do giảm kế hoạch vật tư dự phòng, tái sử dụng vật tư cải tạo lại phục vụ nhu cầu sản suất.

✓ Giảm tài sản ngắn hạn khác 5,67% thông qua giảm thuế VAT được khấu trừ.

- Tài sản dài hạn so với năm 2020 giảm 10,451 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 4,46% làm giảm tỷ trọng trong cơ cấu tài sản là 1,67%. Tài sản dở dang giảm 15,706 tỷ đồng tương ứng giảm tỷ lệ 99,28%.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ đến 31/12/2021:

Biểu 09. Nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch giá trị		Chênh lệch cơ cấu (%)
		Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Mức tăng	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4	5=(3-1)	6=(5/1)	7=(4-2)
C	**NỢ PHẢI TRẢ**	**114.729.593.304**	**36,88**	**108.149.102.145**	**35,58**	**-6.580.491.159**	**-5,74**	**-1,3(**
I	**Nợ ngắn hạn**	**29.423.900.808**	**9,46**	**29.867.105.735**	**9,83**	443.204.927	**1,51**	**0,3**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.622.723.858	2,45	13.933.704.653	4,58	6.310.980.795	82,79	2,1
2	Người mua trả tiền trước NH	119.500.000	0,04			-119.500.000		
3	Thuế, các khoản phải nộp NN	1.604.241.811	0,52	888.475.894	0,29	-715.765.917	-44,62	-0,2
4	Phải trả người lao động	374.943.000	0,12	472.922.400	0,16	97.979.400	26,13	0,0
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	214.447.677	0,07	675.904.507	0,22	461.456.830	215,18	0,1
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.511.888.955	1,77	5.351.167.169	1,76	-160.721.786	-2,92	-0,0
7	Vay và nợ thuê tài chính NH	12.130.257.068	3,9	7.023.696.086	2,31	-5.106.560.982	-42,10	-1,5
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.845.898.439	0,59	1.521.235.026	0,51	-324.663.413	-17,59	-0,0
II	**Nợ dài hạn**	**85.305.692.496**	**27,42**	**78.281.996.410**	**25,75**	**-7.023.696.086**	**-8,23**	**-1,6**
1	Vay và thuê nợ tài chính	85.305.692.496	27,42	78.281.996.410	25,75	-7.023.696.086	-8,23	-1,6
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**196.384.016.068**	**63,12**	**195.813.217.934**	**64,42**	**-570.798.134**	**-0,29**	**1,3**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**196.384.016.068**	**63,12**	**195.813.217.934**	**64,42**	**-570.798.134**	**-0,29**	**1,3**

1	Vốn góp của CSH	177.176.650.000	56,95	177.176.650.000	58,29			0,0(
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.849.011.462	0,92	3.722.150.034	1,22	873.138.572	30,64	0,3(
3	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	15.185.018.639	4,88	13.741.081.933	4,91	-1.443.936.706	-9,51	-0,3(
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**							
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**311.113.609.372**	**100**	**303.962.320.079**	**100**	**-7.151.289.293**		

- Nợ phải trả trong năm giảm 6,58 tỷ đồng tương ứng chênh lệch tỷ lệ giảm 5,74% so với 2020 dẫn đến cơ cấu nguồn vốn giảm 1,3 % trong đó:

+ Nợ ngắn hạn tăng 433,20 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 1,51% chủ yếu do: (1) các dự án đầu tư đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành và Công ty còn phải thanh toán cho nhà thầu thi công; (2) khoản phải trả người lao động tăng 97,97 triệu đồng tương ứng tăng 26,13% là khoản tiền lương còn lại sẽ chi trả người lao động sau khi có quyết định phê duyệt quỹ tiền lương của cấp có thẩm quyền. (3) Chi phí phải trả ngắn hạn tăng lên 461,45 triệu đồng là khoản chi phí lãi vay và chi phí bảo vệ môi trường rừng còn phải trả phải nộp .

+ Vay dài hạn giảm 7,023 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 8,23% là khoản nợ đã trả cho các khoản vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư.

- Về nợ phải trả xấu: Không có nợ xấu

- Nguồn Vốn chủ sở hữu giảm 570,79 triệu đồng tương ứng giảm tỷ lệ 0,29%, trong đó: (1) Quỹ đầu tư phát triển tăng 873,1 triệu đồng tương ứng tăng tỷ lệ 30,64% do trích theo nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2021; (2) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 1.443 triệu đồng tương ứng giảm tỷ lệ 9,51% do ảnh hưởng của dịch bệnh CoVid-19 tác động đến hoạt động SXKD của đơn vị và giảm giá nước sinh hoạt theo QĐ 2966/QĐ-UBND ngày 18/08/2021 ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả chiếm 35,58% giảm 5,74% so với năm trước; nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 64,42% giảm tương ứng tỷ lệ 0,29% lợi nhuận sau thuế năm nay thấp hơn năm trước (Do trường hợp bất khả kháng dịch bệnh Covid-19).

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Với khoản vay của chính phủ Pháp (bằng EUR) để đầu tư xây dựng nhà máy nước Lào Cai (Giai đoạn II), công ty áp dụng tỷ giá tính chéo của đồng tiền VNĐ so với EUR tại thời điểm thanh toán theo công bố của ngân hàng nhà nước. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào chi phí kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2021 là một năm tiếp tục khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đã bám sát, chấp hành và triển khai kịp thời các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT điều hành Công ty hoạt động ổn định. Kết quả hoạt động SXKD đã hoàn thành kế hoạch. Các chỉ số tài chính cơ bản của Công ty đều thể hiện được tính an toàn trong hoạt động kinh doanh. Các chế độ, quyền lợi của cổ đông cũng

như CBCNV, người lao động được đảm bảo, người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, áp dụng công nghệ trong SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện, xác định rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân như: Công tác điều hành quản trị công ty luôn được cập nhập, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ doanh nghiệp phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn của công ty; Rà soát cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng của người lao động; Duy trì, khuyến khích khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, nâng cao tỷ trọng thanh toán tiền nước qua ngân hàng và các tổ chức thu khác.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Về sản xuất kinh doanh:

+ Xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn nhằm hoạch định chiến lược dài hạn về nguồn nước sạch ngày đang cạn kiệt, đảm bảo nhu cầu thiết yếu về nước sinh hoạt của nhân dân. Đồng thời điều chỉnh phù hợp với tốc độ phát triển và mở rộng quy hoạch đô thị của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040, nâng tổng công suất hoạt động lần lượt từ 105.000m^3/ngđ lên 135.000m^3/ngđ (năm 2025) và 195.000m^3/ngđ (năm 2040).

+ Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ nước của Công ty; đổi mới, nâng cao kĩ năng quản lý; cải tiến dây truyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và hiệu quả trên nền tảng văn hoá công ty là: trung thực, đoàn kết và cầu thị.

- Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý các nguồn đầu tư dài hạn, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Tiếp tục ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tốc độ phát triển, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của Công ty..

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. (Không)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH của công ty.

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Trách nhiệm đối với môi trường được công ty xác định là một trong những tiêu chí về phát triển bền vững và là vấn đề quan trọng cấp bách hiện nay. Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, sản phẩm tiêu thụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân, do đó công ty quan tâm hàng đầu đến chất lượng nước, đảm bảo quy định của Bộ Y tế về nước sinh hoạt và ăn uống; công ty tiếp tục áp dụng công nghệ sạch như: Sử dụng chủng loại vật tư đường ống, phụ kiện phù hợp, bền vững ít bị tác động của môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm. Nghiên cứu lộ trình thay đổi nguồn nước thô đối với khu vực thành phố Lào Cai.

- Trong việc sử dụng năng lượng, công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc, lợi dụng thuận lợi về địa hình miền núi cao, công ty tăng cường việc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, hạn chế sử dụng năng lượng.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định Luật Lao động. Thực hiện đúng nội quy, quy chế lao động, đã tiến hành điều chỉnh sửa đổi bổ sung lương tối thiểu vùng, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động.

- Việc chăm lo đời sống ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được công ty chú trọng. NLĐ được bố trí đủ việc làm, được giải quyết đầy đủ chế độ chính sách theo Luật Lao động và luật khác có liên quan như: Tiền lương, tiền thưởng theo kết quả kinh doanh của công ty và mức độ hoàn thành của NLĐ, đảm bảo ít nhất bằng mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định từng thời kỳ; chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hỗ trợ khó khăn, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ,....vv. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, tham gia phong trào văn nghệ, thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động, nhằm tái tạo sức lao động, qua đó nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương.

- Trong năm qua công ty tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện, nhân đạo, chung tay góp sức hưởng ứng phong trào *"xóa đói giảm nghèo", "mái ấm tình thương", "mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo"; ủng hộ xây dựng các quỹ, hỗ trợ công tác giáo dục.*

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng giá nước tiêu thụ nhỏ hơn giá thành đối với vùng nông thôn và đồng bào thiểu số và khu dân cư có thu nhập thấp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021, Công ty hoàn thành kế hoạch, cụ thể:

a) Về sản xuất kinh doanh:

- Đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan và nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh, với 6/9 chỉ tiêu chủ yếu đạt hoàn thành kế hoạch.

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Công tác đầu tư mở rộng sản xuất hiệu quả, kịp thời, quản lý theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo tiến độ.

b) Công tác tổ chức nhân sự, chính sách đối với người lao động

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại một số vị trí nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý.

- Rà soát mức lương của người lao động đảm bảo quy định mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Nhà nước. Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập 8,8 triệu đồng đạt ở mức khá so với mặt bằng chung trong tỉnh.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Trong việc sử dụng năng lượng, công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm, áp dụng dây truyền công nghệ tiên tiến, tiêu hao ít năng lượng hoặc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, hạn chế sử dụng năng lượng.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo sát sao và có nhiều cố gắng tuy nhiên 02 chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch *(Giá tiêu thụ bình quân đạt 99,41% và sản lượng nước thương phẩm đạt 98,1%)* do các nguyên nhân khách quan và chủ quan chủ yếu sau:

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác quản lý, điều hành còn có mặt hạn chế của một số phòng chuyên môn và chi nhánh trực thuộc trong việc cụ thể hoá nhiệm vụ được giao trong công tác điều hành còn thụ động, sắp xếp phân công nhiệm vụ chưa khoa học và chưa có tính kiểm soát hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao dẫn đến không đảm bảo tiến độ công việc.

+ Việc cập nhật các quy định mới của pháp luật chưa được kịp thời, chỉ đạo chưa được sát sao dẫn đến hiệu quả, năng suất công việc chưa cao.

+ Hầu hết các chi nhánh trực thuộc chưa quan tâm chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đầu năm công ty giao dẫn đến công tác chỉ đạo điều hành quyết liệt để hoàn thành kế hoạch chưa được các chi nhánh thực hiện ảnh hưởng chung đến kết quả SXKD của toàn công ty.

***- Nguyên nhân khách quan*:**

+ Do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid -19 đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh tế xã hội của VN cũng như tỉnh Lào Cai.

+ Năm 2021 là năm chuyển giao nhiệm kỳ I của Hội đồng quản trị công ty sang nhiệm kì II, thời gian quý I, II công ty tập trung vào công tác Đại hội đồng cổ đông thường niên, công tác tổ chức sắp xếp bộ máy nhân sự các phòng ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc.

+ Một số dự án chậm tiến độ do vướng mắc thủ tục đất đai, thủ tục xin chủ trương đầu tư ở các Sở ban ngành, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, tranh chấp nguồn nước,...

3. Kế hoạch, định hướng năm 2022 của Hội đồng quản trị

1. Duy trì ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm:

Năm 2022, dự báo tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp để thực hiện thành công các mục tiêu nhiệm vụ đề ra, Công ty xác định chủ đề công tác trọng tâm là ***"Đảm bảo an toàn cấp nước về lưu lượng và chất lượng, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động nhằm tạo đà tăng trưởng sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường mới"***. Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả *"mục tiêu kép"* vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa giữ vững phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, tiến tới mục tiêu 100% dân số ở đô thị được tiếp cận dùng nước sạch.

- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng;

- Triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước và quyết liệt đối với tất cả các chi nhánh, duy trì tỷ lệ giảm thất thoát nước ở mức hợp lý tiến tới giảm tỷ lệ thất thoát toàn công ty xuống 15% vào năm 2025;

- Bảo đảm chất lượng nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật – công nghệ vào công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu tại các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc, công ty sẽ kiểm điểm cụ thể việc này qua việc theo dõi đánh giá việc điều hành thực hiện nhiệm vụ theo tháng, quý, năm:

a) Sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	So sánh % KH 2022/ TH 2021
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	144,036	146,625	101,8
- Doanh thu SX nước sạch	*Tỷ đồng*	*139,133*	*145,425*	*104,52*
- Doanh thu XL + khác	*Tỷ đồng*	*4,903*	*1,2*	*24,47*
2. Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m^3	16,819	17,36	103,22
3. Giá tiêu thụ bình quân	Đồng	8.272	8.375	101,25
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,741	13,92	101,3
5. Phát triển khách hàng	Hộ	2.384	2.000	83,89
6. Thay thế đồng hồ	Cái	3.159	2.000	63,31
7. Tỷ lệ thất thoát	%	24,7	24,3	-0,3
8. Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	16,198	16,17	99,83
9. Thu nhập BQ/người/tháng	Tr. đồng	8,8	8,8	100
Trong đó tiền lương BQ	*Tr. đồng*	*7,54*	7,54	100

b) Đầu tư dự án:

STT	Hạng mục công trình	Qui mô	Giá trị đầu tư (Khái toán)	Kế hoạch vốn 2022	Địa điểm XD	Ghi chú
1	Xây dựng nhà máy cấp nước Làng Giàng, huyện Văn Bàn.	3.000m^3/ ngđ	73,85	1,50	xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn	Khảo sát thiết kế, phê duyệt dự án

2	Hạ tầng cấp nước nhà máy gang thép và luyện kim Việt Trung; hạng mục: Lắp đặt bơm cấp II và tuyến ống cấp nước D400 KCN Tằng Loỏng.	Máy bơm CII, Ống thép D400	14,43	14,33	Thôn Cù, TTr Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng	
3	Nâng công suất nhà máy nước Cốc San từ 24.000m^3/ngđ lên 30.000m^3/ngđ	6.000m^3/ ngđ			P. Kim Tân, TP Lào Cai	Đề xuất chủ trương đầu tư
4	Nâng công suất nhà máy nước Bắc Hà từ 1.500m^3/ngđ lên 4.500m^3/ngđ	3.000m^3/ ngđ			TT Bắc Hà	Lập phương án đầu tư
5	Nâng công suất nhà máy nước Bảo Yên từ 1.200m^3/ngđ lên 3.200m^3/ngđ	2.000m^3/ ngđ			TT Phố Ràng, huyện Bảo Yên	Lập phương án đầu tư
6	Nâng công suất nhà máy nước Si Ma Cai từ 300m^3/ngđ lên 1.500m^3/ngđ	1.200m^3/ ngđ			H. Si Ma Cai	Lập phương án đầu tư
7	Xây dựng nhà máy nước Ngòi Đường.	20.000m^3/ ngđ			TP. Lào Cai	Chờ chấp thuận của UBND tỉnh
8	Hệ thống cung cấp nước sạch đô thị xã Ý Tý (Nhà máy nước số 1 - Cải tạo hệ thống cung cấp nước hiện có của khu vực Trung Tâm xã Ý Tý sau năm 2025 đạt 1.500m^3/ngđ và Nhà máy nước số 2 tại khu đô thị mới sau năm 2025 đạt 5.000m^3/ngđ)	6.500m^3/ ngđ			xã Ý Tý, huyện Bát Xát	Chờ chấp thuận của UBND tỉnh
	TỔNG CỘNG		**88,28**	**15,83**		

2. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả.

3. Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu phát triển ngày một lớn mạnh của Công ty.

4. Thực hiện chức năng theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ của Công ty và các quy chế, quy định khác.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:

Biểu 5.1: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

Họ và tên		Chức vụ hiện nay	Ngày tháng năm sinh	Trình độ CM	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						CP cá nhân	Cổ phần nhà nước	
1	Phạm Hồng Quảng	Chủ tịch HĐQT	11/12/1970	Thạc sỹ kinh tế,	8.334.752	13.100	8.321.852	47

2	Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT, TGĐ	13/11/1972	Kỹ sư XD Cử nhân kinh tế	8.012.312	17.000	7.995.312	45,2
3	Lê Văn Mật	Thành viên HĐQT, PTGĐ	17/5/1973	Kỹ sư CTN	9.000	9.000		0,051
4	Trịnh Tiến Hùng	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KT-VT	01/01/1985	Thạc sỹ QLĐT và công trình, Kỹ sư CTN	15.100	15.100		0,085
5	Phùng Ngọc Minh	Thành viên HĐQT, Phó phòng KH-ĐT	11/12/1985	Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ sư CTN	5.300	5.300		0,03

Biểu 5.2: Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Hồng Quảng	Chủ tịch HĐQT	10/4/2021	
2	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	10/4/2021	
3	Ông Lê Văn Mật	Thành viên HĐQT	10/4/2021	
4	Ông Trịnh Tiến Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	10/4/2021	
5	Ông Phùng Ngọc Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	10/4/2021	
6	Ông Ngô Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	01/6/2016	10/4/2021
7	Ông Phạm Phương Thanh	Thành viên HĐQT	01/6/2016	10/4/2021
8	Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên HĐQT	01/6/2016	10/4/2021

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Biểu 5.3. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hồng Quảng	15	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Huy	11	73,3%	Từ ngày 10/4/2021 được bầu là TVHĐQT
3	Ông Lê Văn Mật	14	93,3%	Nghỉ ốm (dự họp 14/15 cuộc)
4	Ông Trịnh Tiến Hùng	11	73,3%	Từ ngày 10/4/2021 được bầu là TVHĐQT
5	Ông Phùng Ngọc Minh	11	73,3%	Từ ngày 10/4/2021 được bầu là TVHĐQT
6	Ông Ngô Thanh Phương	05	33,3%	Từ ngày 10/4/2021 không còn là TVHĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
7	Ông Phạm Phương Thanh	05	33,3%	Từ ngày 10/4/2021 không còn là TVHĐQT
8	Bà Phạm Thị Hằng	05	33,3%	Từ ngày 10/4/2021 không còn là TVHĐQT

** Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:*

Các thành viên HĐQT thường xuyên trực tiếp kiểm tra công tác điều hành sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực được phân công, tích cực giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trong năm.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo nhanh kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Từ đó đưa ra các chỉ đạo giúp cho hoạt động SXKD của công ty có hiệu quả.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của công ty từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.
- Tham gia các buổi họp giao ban công ty và các buổi họp khác của Ban Tổng Giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của công ty.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao quá trình hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã luôn nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra và luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã thống nhất ý chí trong việc thực hiện triển khai các chủ trương của HĐQT, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ công ty và các quy chế hoạt động.
- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban TGĐ đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Các thành viên trong Ban TGĐ đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

Biểu 5.4. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2021:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQLT-HĐQT-CĐCS	19/01/2021	- Thống nhất trích từ quỹ phúc lợi của công ty số tiền **20.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn)* để ủng hộ Chương trình "Tết cho người nghèo" với chủ đề "Nối vòng tay nhân ái" nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 theo Thư kêu gọi ủng hộ của Ban tổ chức chương trình ngày 22/12/2020. - Đồng ý ủng hộ kinh phí tổ chức Chương	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			trình bắn pháo hoa Mừng Đảng, Mừng Xuân Tân Sửu năm 2021 theo Thư kêu gọi của UBND thành phố Lào Cai số tiền: **10.000.000đ** *(Mười triệu đồng chẵn)*. Phần kinh phí hỗ trợ này được trích từ quỹ phúc lợi của Công ty.	
2	02/2021/NQ-HĐQT	25/01/2021	- Thống nhất tặng 30 suất quà Tết Tân Sửu năm 2021 cho các hộ gia đình khó khăn của xã Trung Lèng Hồ bằng tiền: 300.000đ/01 suất, tổng giá trị **9.000.000đ** *(Chín triệu đồng chẵn)*. Phần kinh phí này được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. - Thống nhất hỗ trợ Đồn Biên phòng Y Tý số tiền **10.000.000đ** *(Mười triệu đồng chẵn)* nhằm mục đích hỗ trợ các chốt biên phòng tiếp tục làm nhiệm vụ phòng chống dịch Covid-19 đón Xuân Tân Sửu 2021. Phần kinh phí này được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	08/02/2021	Thống nhất việc chi ra quân đầu năm mới cho toàn bộ cán bộ công nhân viên người lao động trong toàn công ty số tiền **500.000 đồng/người** và phát động thi đua sản xuất kinh doanh năm 2021. Phần kinh phí chi ra quân đầu năm mới được hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	100%
4	04/2021/NQ-HĐQT	18/02/2021	- Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau: + Thời gian tổ chức Đại hội (dự kiến): **07h30' ngày 10 tháng 4 năm 2021.** + Địa điểm thực hiện (dự kiến): Hội trường công ty đồi 117 nhà máy nước Lào Cai, phường Lào Cai, TP Lào Cai. + Ngày đăng ký cuối cùng: **12/3/2021.**	100%
5	05/2021/NQ-HĐQT	15/3/2021	- Hỗ trợ kinh phí lắp đặt đường nước sinh hoạt cho Trường THPT số 3 huyện Văn Bàn số tiền: **15.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn)*. Phần kinh phí hỗ trợ được hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	100%
6	01/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	12/4/2021	- Thông qua việc bầu Ông Phạm Hồng Quảng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2021-2026. - Thời điểm hiệu lực: kể từ ngày **10/4/2021.**	100%
7	02/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	12/4/2021	- Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Huy-Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. - Thông qua việc bổ nhiệm các chức danh quản lý sau: 1. Ông. Lê Văn Mật-Thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. 2. Ông. Phạm Phương Thanh - giữ chức vụ	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Phó Tổng Giám đốc Công ty. 3. Bà. Phạm Thị Hằng-giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. 4. Ông. Vũ Thái Bình - giữ chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký Công ty.	
8	03/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	15/4/2021	Thống nhất thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty: **- Người đại diện theo pháp luật cũ:** Họ và tên: Ngô Thanh Phương Giới tính: Nam; Chức danh: Chủ tịch HĐQT Sinh ngày: 09/02/1961; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; CMND số: 063013948; Ngày cấp: 01/6/2012; Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 423, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: số nhà 423, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. **- Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:** **+ Người thứ nhất:** Họ và tên: Phạm Hồng Quảng; Giới tính: Nam; Chức danh: Chủ tịch HĐQT; Sinh ngày: 11/12/1970; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; CMND số: 063042868; Ngày cấp: 16/5/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 014 đường Tôn Thất Thuyết, tổ 5 phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: số nhà 014 đường Tôn Thất Thuyết, tổ 5 phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. **+ Người thứ hai:** Họ và tên: Nguyễn Quốc Huy; Giới tính: Nam; Chức danh: Tổng Giám đốc; Sinh ngày: 13/11/1972; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; CMND số: 063042780; Ngày cấp: 09/11/2012; Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 068 đường Lương Văn Can, tổ 28 phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: số nhà 068 đường Lương Văn Can, tổ 28 phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.	100%
9	04/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	19/4/2021	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau: - Tổng doanh thu (sản xuất công nghiệp và doanh thu khác) năm 2021 là: 143,668 tỷ đồng. Trong đó: + Doanh thu sản xuất công nghiệp: 142,668 tỷ	80%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			đồng + Doanh thu khác: 1 tỷ đồng - Nước thương phẩm: 17.148.695m^3. - Thống nhất thông qua việc phân bổ nguồn vốn sửa chữa, lắp đặt thay thế đồng hồ và đầu tư các công trình nội bộ năm 2021, cụ thể như sau: Tổng kinh phí là 66,555 tỷ đồng, trong đó: + Nguồn vốn sửa chữa thường xuyên, duy trì đấu nối; thay thế, lắp đặt đồng hồ theo Nghị định 117: 8,775 tỷ đồng; + Đầu tư mở rộng tuyến mạng, mua sắm thiết bị: 7,0 tỷ đồng. + Đầu tư các dự án: 50,78 tỷ đồng.	
10	05/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	14/5/2021	- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021: **Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.** Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Sông Đà, số 165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Điện thoại: (84-4) 62 670 490/91/92/93 Fax: (84-4) 62 670 494; Giao Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo phòng chức năng có liên quan liên hệ đơn vị kiểm toán được lựa chọn tiến hành ký kết hợp đồng đảm bảo tiến độ. - Thống nhất thời gian chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt như sau: + Ngày đăng ký cuối cùng: 28/5/2021. + Ngày thanh toán: từ ngày 18/6/2021. + Tỷ lệ chi trả: 5,6% (01 cổ phiếu được nhận 560 đồng).	100%
11	06/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	21/6/2021	- Ủng hộ kinh phí mua Vắc xin phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo hưởng ứng lời kêu gọi tham gia ủng hộ kinh phí mua Vắc xin phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lào Cai với số tiền là: **30.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn)*. Phần kinh phí ủng hộ được hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp. - Giao cho Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo phòng chức năng có liên quan thực hiện xong trong **tháng 06/2021.**	100%
12	07/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	09/8/2021	- Giảm 5% (giá trước thuế GTGT), theo giá tiêu thụ và cơ cấu giá sử dụng nước sạch sinh hoạt dân cư được quy định tại Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Giảm giá cho các hộ dân cư trên tất cả các địa bàn đô thị có sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt do Công ty cung cấp; Thời gian áp dụng giảm giá là 03 tháng, bắt đầu vào kỳ thu	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			tiền nước từ tháng 9 đến hết tháng 11 năm 2021. - Thống nhất tổ chức triển khai thực hiện di chuyển các tuyến ống cấp nước cho nhà máy nước Cốc San để phục vụ công tác GPMB của dự án theo như Văn bản đề nghị số 259/QLDA ngày 04/8/2021 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố Lào Cai.	
13	08/2021/2021-2026/ NQLT-HĐQT-CĐCS	10/11/2021	- Thống nhất trích từ quỹ phúc lợi của công ty số tiền: 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn) để quyên góp, hỗ trợ cho các trường hợp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo Thư kêu gọi của Trung ương Hội Cấp Thoát nước Việt Nam phát động ngày 02/8/2021. Thực hiện xong trước ngày 20/11/2021. - Chấp thuận đấu nối cấp nước sạch sinh hoạt tạm thời cho trung tâm xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng tại Văn bản số 18/ĐN-CNLC ngày 18/8/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư cấp nước Lào Cai với giá bán buôn nước sạch sinh hoạt qua đồng hồ tổng bằng với giá tiêu thụ nước sạch bình quân đã có thuế giá trị gia tăng (VAT) là: 7.750 đồng/m3 được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 27/8/2015.	100%
14	09/2021/2021-2026/NQ-HĐQT	22/11/2021	- Điều chỉnh nguồn vốn tại Nghị quyết số 04/2021/2021-2026/NQ-HĐQT ngày 19/4/2021, với các nội dung sau: Tổng giá trị được phân bổ theo Nghị quyết số 04/2021/2021-2026/NQ-HĐQT ngày 19/4/2021: 66,555 tỷ đồng; điều chỉnh giảm: 14,566 tỷ đồng; giá trị sau điều chỉnh: 51,989 tỷ đồng, trong đó: (1). Nguồn chi thường xuyên, duy trì đấu nối, thay thế lắp đặt đồng hồ giá trị: 8,775 tỷ đồng, triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 04/2021/2021-2026/NQ-HĐQT ngày 19/4/2021 của HĐQT Công ty. (2). Nguồn vốn tự có + vốn vay giá trị: 57,78 tỷ đồng; điều chỉnh giảm: 14,566 tỷ đồng; giá trị sau điều chỉnh: 43,214 tỷ đồng. (3). Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 04/2021/2021-2026/NQ-HĐQT ngày 19/4/2021 của HĐQT Công ty.	100%
	10/2021/2021-2026/ NQLT-HĐQT-CĐCS	22/12/2021	- Thống nhất chi 60% Quỹ khen thưởng và 40% Quỹ phúc lợi năm 2021 cho toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động (có tên trong danh sách người lao động công ty tại thời điểm 31/12/2021) với mức chi bằng 1,1 tháng lương cơ bản bình quân thực lĩnh năm 2021 của cán bộ công nhân viên, người lao	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			động.	

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Biểu 5.5. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Ngày tháng năm sinh	Trình độ CM	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						CP cá nhân	Cổ phần nhà nước	
1	Lê Thị Hồng Vân	Trưởng ban	26/4/1974	Cử nhân kinh tế	15.000	15.000		0,085
2	Lê Hữu Bằng	Thành viên	26/3/1983	Cử nhân kinh tế	2.900	2.900		0,016
3	Lê Kim Cương	Thành viên	13/10/1973	Kỹ sư CTN	8.000	8.000		0,045

Biểu 5.6: Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là TV BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Lê Thị Hồng Vân	Trưởng ban	01/6/2016		Cử nhân kinh tế
2	Ông Lê Hữu Bằng	Thành viên	01/6/2016		Cử nhân kinh tế
3	Ông Lê Kim Cương	Thành viên	10/4/2021		Kỹ sư cấp thoát nước
4	Bà Võ Thị Thu Hà	Thành viên	18/5/2017	10/4/2021	Cử nhân kinh tế

Biểu 5.7 Các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Hồng Vân	11	100	100	
2	Ông Lê Hữu Bằng	11	100	100	
3	Ông Lê Kim Cương	08	72,7	100	Từ ngày 10/4/2021 được bầu là thành viên BKS
4	Bà Võ Thị Thu Hà	03	27,3	100	Từ ngày 10/4/2021 không còn là thành viên BKS

** Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:*

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2021, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã quản trị và điều hành với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho Công ty và các cổ đông.

** Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:*

Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã được tham dự 11/11 cuộc họp của HĐQT, 06 cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc. Trong quá trình thực thi

nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ, kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021 (VNĐ)
*** Quỹ tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị**		**527.377.900**
Ông Phạm Hồng Quảng	*Chủ tịch (i)*	*306.604.400*
Ông Ngô Thanh Phương	*Chủ tịch (Thôi giữ chức vụ từ ngày 10/4/2021)*	*151.682.500*
Ông Trịnh Tiến Hùng	*Thành viên không điều hành (i)*	*34.545.500*
Ông Phùng Ngọc Minh	*Thành viên không điều hành (i)*	*34.545.500*
*** Quỹ lương của Ban Tổng Giám đốc**		**1.197.123.250**
Ông Nguyễn Quốc Huy	*Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)*	*274.210.000*
Ông Phạm Phương Thanh	*Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)*	*265.419.800*
Ông Lê Văn Mật	*Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)*	*271.166.000*
Bà Phạm Thị Hằng	*Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2021)*	*269.469.500*
Bà Đặng Thị Thúy Nga	*Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 16/4/2021)*	*116.857.950*
*** Quỹ lương, thù lao của các thành viên Ban kiểm soát**		**337.419.800**
Bà Lê Thị Hồng Vân	*Trưởng ban - Lương chuyên trách*	*265.419.800*
Ông Lê Hữu Bằng	*Thành viên (i)*	*36.000.000*
Ông Lê Kim Cương	*Thành viên (i)*	*25.909.100*
Bà Võ Thị Thu Hà	*Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 10/4/2021)*	*10.090.900*

(i) Trúng cử nhiệm kỳ 2021 - 2026 từ ngày 10/4/2021

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty cụ thể như: lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Cơ cấu Hội đồng quản trị công ty đã đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và thành viên không điều hành 02/05 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán. *"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

(Trích văn bản số 45-22/BC-TC/VAE ngày 25/2/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam v/v Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Toàn văn bản báo cáo tài chính năm 2021 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 - 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

(VAE) và được đăng tải chi tiết tại địa chỉ website https://www.capnuoclaocai.com.vn vào ngày 25/02/2022.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;
- Đăng tải Website, CBTT;
- Lưu VT, HĐQT, Thư ký công ty.

TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Hồng Quảng